TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 21/2021/QĐST–DS	*Đà Lạt, ngày 15 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST-DS ngày 07/6/2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"*.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Vợ chồng ông Nguyễn Đức H, sinh năm: 1970;
Bà Phan Thị Thanh H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số 114 TS, Phường y, thành phố Đà Lạt.

Bà H ủy quyền cho ông Nguyễn Đức H tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền lập ngày 17/6/2021).

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Phan Thanh T, sinh năm: 1968;
Bà Nguyễn Thị Ái V, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Số A PĐP, Phường x, thành phố Đà Lạt.

Địa chỉ liên hệ: Khách sạn ĐTA – Số B PĐP, Phường x, thành phố Đà Lạt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn vợ chồng ông Phan Thanh T, bà Nguyễn Thị Ái V đồng ý trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Đức H, bà Phan Thị Thanh H số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) trong đó số tiền đặt cọc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và số tiền phạt cọc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn vợ chồng ông Phan Thanh T, bà Nguyễn Thị Ái V phải chịu 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Đức H, bà Phan Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003939 và số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003940 đều ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Liên